

**BỘ THƯƠNG MẠI****BỘ THƯƠNG MẠI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2006/QĐ-BTM

*Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế thưởng đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004****BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Quyết định số 195/1999/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về việc lập, sử dụng và quản lý Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 137/TB-VPCP ngày 05 tháng 8 năm 2005 của Văn phòng Chính phủ;

Sau khi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Phan Thế Ruệ**

**QUY CHẾ THƯỜNG ĐỐI VỚI PHẦN KIM  
NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2005 VƯỢT SO VỚI NĂM 2004**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTM  
ngày 25 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Nội dung xét thưởng**

Quy chế này quy định việc xét thưởng cho phần kim ngạch xuất khẩu của một số mặt hàng năm 2005 vượt so với kim ngạch xuất khẩu năm 2004 (sau đây gọi là thưởng vượt kim ngạch).

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

**2.1.** Quy chế thưởng vượt kim ngạch này **áp dụng** cho phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 tính bằng đô la Mỹ (USD) theo giá FOB tại cảng Việt Nam (hoặc các phương thức giao hàng tương đương). Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được quy đổi ra đô la Mỹ tại thời điểm thanh toán.

**2.2.** Quy chế này **không áp dụng** cho các trường hợp hàng hóa xuất khẩu trả nợ, xuất khẩu tại chỗ, xuất vào khu chế xuất, xuất khẩu uỷ thác, xuất gia công, viện trợ cho nước ngoài, xuất khẩu theo Hiệp định hoặc Hợp đồng có sự can thiệp của Chính phủ, hàng tạm nhập tái xuất, hàng chuyển khẩu, xuất khẩu đổi hàng.

**2.3.** Các mặt hàng được xét thưởng vượt kim ngạch gồm 13 mặt hàng, nhóm mặt hàng là: Thịt các loại; Rau quả các loại; Chè các loại; Cá tra, cá Basa và tôm; Gạo các loại; Cà phê các loại; Hàng thủ công mỹ nghệ và mây tre lá; Lạc nhân; Hạt tiêu; Hạt điều (đã qua chế biến); Đồ nhựa; Hàng cơ khí; Sản phẩm gỗ.

Đối với các mặt hàng thuộc nhóm hàng: Rau quả các loại; Hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre lá; Đồ nhựa; Hàng cơ khí, mặt hàng xét thưởng là những mặt hàng đã được Bộ Thương mại thưởng vượt kim ngạch năm 2003.

**Điều 3. Đối tượng xét thưởng**

Thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập, hoạt động theo các quy định của pháp luật Việt Nam trực tiếp xuất khẩu đạt được các điều kiện quy định tại Điều 4 dưới đây đều được xét thưởng theo Quy chế này.

## Chương II

### ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ XÉT THƯỜNG VÀ MỨC THƯỜNG

#### Điều 4. Điều kiện xét thường

- Thương nhân xuất khẩu các mặt hàng trong số 13 mặt hàng, nhóm mặt hàng thuộc khoản 2.3 Điều 2 Quy chế này.

- Năm 2004, mỗi mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tối thiểu là 100.000 USD, riêng đối với mặt hàng Gạo, Cà phê nhân, Sản phẩm gỗ tối thiểu là 500.000 USD; Năm 2005 cũng xuất khẩu mặt hàng đó.

- Có hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải hoàn thành nghĩa vụ xuất khẩu được ghi trong Giấy phép đầu tư.

#### Điều 5. Hồ sơ xét thường

##### 5.1. Hồ sơ xét thường gồm có:

- Công văn nêu thành tích và đề nghị xét thường của thương nhân (nội dung chính bao gồm các thông tin và số liệu tổng hợp về thành tích của thương nhân như hướng dẫn tại Biểu mẫu số 03). Công văn này gồm 02 bản, 01 bản lưu hồ sơ gốc, 01 bản gửi cơ quan xét thường (Bộ Thương mại).

- Bảng kê kim ngạch xuất khẩu năm 2004 theo biểu mẫu số 01A có xác nhận về số ngoại tệ đã thực thu của ngân hàng liên quan, kèm theo bản chính và bản sao bộ hồ sơ xuất khẩu gồm Tờ khai hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của hải quan cửa khẩu, Giấy báo có của Ngân hàng thương mại

(các bản chính của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu và Giấy báo có của ngân hàng, sau khi đối chiếu, đơn vị tiếp nhận hồ sơ sẽ trả lại bản chính cho thương nhân).

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: **Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ xuất khẩu theo Giấy phép đầu tư có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp.** Công văn này gồm 02 bản (01 bản lưu hồ sơ gốc, 01 bản gửi Cơ quan xét thường Bộ Thương mại)

- Bảng kê kim ngạch xuất khẩu năm 2005 theo biểu mẫu số 01B có xác nhận về số ngoại tệ đã thực thu của ngân hàng liên quan, kèm theo bản chính và bản sao bộ hồ sơ xuất khẩu gồm Tờ khai hàng hóa xuất khẩu có xác nhận của hải quan cửa khẩu, Giấy báo có của Ngân hàng thương mại

(các bản chính của Tờ khai hàng hóa xuất khẩu và Giấy báo có của ngân hàng, sau khi đối chiếu, đơn vị tiếp nhận hồ sơ sẽ trả lại bản chính cho thương nhân).

Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: **Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ xuất khẩu theo Giấy phép đầu tư có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp.** Công văn này gồm 02 bản (01 bản lưu hồ sơ gốc, 01 bản gửi Cơ quan xét thưởng Bộ Thương mại)

**Đối với một số trường hợp cụ thể, trong quá trình xét thưởng, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có thể yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bổ sung tài liệu liên quan đến việc xét thưởng.**

**5.2. Hồ sơ xét thưởng của thương nhân được gửi đến 1 trong 2 cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Cụ thể:**

- Ngoài phong bì đề: **Hồ sơ xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu**

+ Gửi tới Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu), 21 Ngô Quyền - Hà Nội đối với các thương nhân thuộc khối các cơ quan trung ương.

+ Gửi tới Sở Thương mại và/hoặc Sở Thương mại và Du lịch (gọi chung là Sở Thương mại) các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với các thương nhân khác có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố đó.

- Hạn nộp hồ sơ trước ngày 01 tháng 5 năm 2006 (theo dấu Bưu điện gửi).

### **Điều 6. Mức thưởng**

Thương nhân có thành tích xuất khẩu vượt kim ngạch được thưởng bằng tiền tính trên trị giá kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 theo mức sau:

<b>STT</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>Mức thưởng</b>
1	Thịt các loại	200 đồng/USD
2	Rau quả các loại	200 đồng/USD
3	Chè các loại	200 đồng/USD
4	Cá tra, cá ba sa, tôm	200 đồng/USD
5	Gạo các loại	
	- Gạo	100 đồng/USD
	- Các sản phẩm chế biến từ gạo	200 đồng/USD
6	Cà phê các loại	
	- Cà phê nhân	100 đồng/USD

STT	Mặt hàng	Mức thưởng
	- Cà phê chế biến	200 đồng/USD
7	Hàng thủ công mỹ nghệ, mây tre lá	100 đồng/USD
8	Lạc nhân	100 đồng/USD
9	Hạt tiêu	100 đồng/USD
10	Hạt điều (đã qua chế biến)	100 đồng/USD
11	Đồ nhựa	100 đồng/USD
12	Hàng cơ khí	100 đồng/USD
13	Sản phẩm gỗ	100 đồng/USD

### Chương III

## TỔ CHỨC XÉT THƯỞNG

#### Điều 7. Tiếp nhận hồ sơ:

7.1. Bộ Thương mại tiếp nhận hồ sơ của các thương nhân hạch toán độc lập thuộc khối các cơ quan trung ương, bao gồm các doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập.

7.2. Sở Thương mại tiếp nhận hồ sơ của các thương nhân thuộc khối địa phương có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố bao gồm cả các doanh nghiệp Nhà nước do chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập doanh nghiệp thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài.

#### Điều 8. Thẩm định hồ sơ

8.1. Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) thẩm định và đề nghị xét thưởng cho các thương nhân thuộc khoản 7.1 Điều 7 Quy chế này.

8.2. Sở Thương mại thẩm định và đề nghị xét thưởng cho thương nhân thuộc khoản 7.2 Điều 7 quy chế này; sau đó gửi báo cáo kết quả thẩm định theo biểu mẫu số 02 và 02A, 02B về Bộ Thương mại kèm theo bản Xác nhận của các Ngân hàng thương mại năm 2004, năm 2005 về kim ngạch xuất khẩu thực thu của doanh nghiệp (bản sao có xác nhận và dấu của doanh nghiệp), công văn đề nghị xét thưởng của thương nhân theo nội dung biểu mẫu 03, Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ xuất khẩu theo giấy phép đầu tư năm 2004, năm 2005 (đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài); lưu giữ hồ sơ của thương nhân đã được thẩm định tại Sở Thương mại.

## **Điều 9. Xét thưởng**

**9.1.** Việc xét thưởng do Bộ Thương mại thực hiện

**9.2.** Căn cứ vào Dự toán ngân sách Nhà nước về chi phí thưởng, Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định thưởng cho từng thương nhân đạt tiêu chuẩn quy định.

**9.3.** Việc xét thưởng được thực hiện Quý IV năm 2006.

## **Điều 10. Công bố thưởng, trích thưởng, sử dụng tiền thưởng**

**10.1.** Quyết định thưởng của Bộ Thương mại được công bố công khai

**10.2.** Bộ Tài chính quyết định xuất Ngân sách nhà nước chi thưởng xuất khẩu từ Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu cho các thương nhân đạt tiêu chuẩn quy định trong Quy chế này vào tài khoản của thương nhân theo Quyết định thưởng của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

**10.3.** Thương nhân hạch toán số tiền thưởng vào thu nhập doanh nghiệp để bù đắp chi phí và/hoặc để thưởng cho các tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị đã có đóng góp vào việc đẩy mạnh và tăng trưởng xuất khẩu của đơn vị.

**Điều 11. Trách nhiệm của thương nhân và các cơ quan có liên quan đối với việc kê khai và xét thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu**

- Thương nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của hồ sơ số liệu và tự chịu trách nhiệm về các thông tin khác của doanh nghiệp liên quan đến việc thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu.

- Ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm về việc xác nhận số ngoại tệ hoặc ngoại tệ quy đổi thực thu từ hoạt động xuất khẩu của thương nhân.

- Bộ Thương mại (Vụ Xuất nhập khẩu) thẩm định và chịu trách nhiệm về số liệu đã thẩm định theo Hồ sơ của các thương nhân theo quy định của khoản 7.1, Điều 7 Quy chế này.

- Sở Thương mại thẩm định và chịu trách nhiệm về số liệu đã thẩm định theo Hồ sơ của các thương nhân theo quy định của khoản 7.2 Điều 7 Quy chế này.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm xuất quỹ ngân sách nhà nước số tiền thưởng chuyển cấp vào tài khoản của thương nhân được thưởng.

- Bộ Thương mại có dự toán tiền thưởng và đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp đưa vào dự toán Ngân sách nhà nước.

## **Điều 12. Về thời gian cho từng khâu thực hiện**

- Hồ sơ đề nghị xét thưởng của thương nhân gửi đến cơ quan thẩm định hồ sơ chậm nhất vào ngày 01/5/2006 (theo dấu Bưu điện gửi).

- Cơ quan thẩm định hồ sơ tiến hành thẩm định và đề nghị xét thưởng gửi báo cáo thẩm định về Bộ Thương mại sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của thương nhân.

- Báo cáo thẩm định số liệu thưởng của các Sở Thương mại gửi đến Bộ Thương mại chậm nhất vào ngày 01/07/2006 (theo dấu Bưu điện). Bộ Thương mại sẽ tiến hành xét thưởng và ra quyết định khen thưởng cho từng thương nhân Quý IV/2006.

- Bộ Tài chính sẽ có quyết định xuất Quỹ Hỗ trợ xuất khẩu chuyển cấp vào tài khoản của thương nhân được thưởng sau 15 ngày kể từ khi có Quyết định thưởng của Bộ Thương mại.

## Chương IV

### XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 13. Xử lý vi phạm

Thương nhân có hành vi vi phạm, cố ý gian lận, lập hồ sơ không đúng thực tế, khi phát hiện sẽ bị thu hồi toàn bộ tiền thưởng và tùy theo lỗi nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo pháp luật.

#### Điều 14. Điều khoản thi hành

Bộ Thương mại đề nghị các cơ quan thuộc Chính phủ, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể thông báo nội dung Quy chế này cho các thương nhân thuộc quyền quản lý của mình biết, thực hiện, đồng thời phản ánh về Bộ Thương mại những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện để tổng hợp điều chỉnh./.

**BỘ THƯƠNG MẠI**

## BẢNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2004

## I. Mặt hàng :

Tên khách hàng:

Số TT	HDXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

Tên khách hàng:

Số TT	HDXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền



**II. Mặt hàng : (kê khai như mặt hàng I)**

**III. Mặt hàng: (kê khai như mặt hàng I)**

**Ghi chú :**

- Kê khai theo từng tên khách hàng;
- Ứng với mỗi Tờ khai hải quan và Hóa đơn thì Giấy báo có phải có giá trị tương ứng. Trường hợp 01 Giấy báo có thanh toán cho nhiều Hóa đơn hoặc 01 Hóa đơn được thanh toán bằng nhiều Giấy báo có thì phải có Bản đối chiếu công nợ giữa bên mua và bên bán;
- Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được quy đổi ra đô la Mỹ (USD) tại thời điểm thanh toán;
- Riêng lượng hàng XK cuối tháng 12/2004, ngày trên tờ khai HQ là ngày đã hoàn thành thủ tục hải quan.

Ngày... tháng...năm 2006

**Xác nhận của ngân hàng thương mại**

Ngày... tháng... năm 2006

**Giám đốc doanh nghiệp**

(ký tên, đóng dấu)

**BẢNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2005**

**I. Mặt hàng:**

Tên khách hàng:

Số TT	HĐXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

Tên khách hàng:

Số TT	HĐXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

**II. Mặt hàng : (kê khai như mặt hàng I)**

**III. Mặt hàng: (kê khai như mặt hàng I)**

**Ghi chú :**

- Kê khai theo từng tên khách hàng;
- Ứng với mỗi Tờ khai hải quan và Hóa đơn thì Giấy báo có phải có giá trị tương ứng. Trường hợp 01 Giấy báo có thanh toán cho nhiều Hóa đơn hoặc 01 Hóa đơn được thanh toán bằng nhiều Giấy báo có thì phải có Bản đối chiếu công nợ giữa bên mua và bên bán;
- Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được quy đổi ra đô la Mỹ (USD) tại thời điểm thanh toán.
- Riêng lượng hàng XK cuối tháng 12/2005, ngày trên tờ khai HQ là ngày đã hoàn thành thủ tục hải quan.

Ngày... tháng... năm 2006

**Xác nhận của Ngân hàng thương mại**

Ngày... tháng... năm 2006

**Giám đốc doanh nghiệp**  
(ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 02

**SỞ THƯƠNG MẠI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 2006

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ LIỆU**  
**THƯỜNG KIM NGẠCH XUẤT KHẨU**  
**NĂM 2005 VƯỢT SO VỚI NĂM 2004**

**Mặt hàng:**

Căn cứ công văn số ... ngày ... /.../ 2006 về đề nghị xét thường kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 của:

+ Doanh nghiệp: (chữ in hoa)

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Số điện thoại liên lạc:

Số Fax:

+ Tên người liên lạc:

+ Mã số thuế:

+ Tài khoản chuyển tiền thưởng:

Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ (theo các mẫu biểu ban hành kèm Quyết định số ... ngày.../.../2005/QĐ-BTM của Bộ Thương mại) gồm:

+ Báo cáo thành tích và đề nghị xét thưởng của doanh nghiệp.

+ Bảng kê số lượng hàng xuất khẩu, kim ngạch xuất khẩu năm 2004 và 2005 (theo biểu mẫu 01A và 01B), có xác nhận về số ngoại tệ đã thực thu của ngân hàng liên quan, kèm theo Tờ khai xuất khẩu tương ứng (bản sao có đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

+ Báo cáo tình hình thực hiện nghĩa vụ xuất khẩu theo giấy phép đầu tư năm 2004, năm 2005 (đối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài).

Sở Thương mại nhận thấy hồ sơ của doanh nghiệp đầy đủ và hợp lệ.

Sở Thương mại báo cáo kết quả thẩm định số liệu như sau:

Chỉ tiêu	ĐV tính	Số đề nghị của đơn vị	Số đã thẩm định	Số đề nghị thưởng
1	2	3	4	5
<b>I. Mặt hàng:...</b>				
<b>1. Năm 2004:</b>				
- Lượng xuất khẩu	Tấn			
- Kim ngạch xuất khẩu	USD			
<b>2. Năm 2005:</b>				
- Lượng xuất khẩu	Tấn			
- Kim ngạch xuất khẩu	USD			
<b>3. Kim ngạch năm 2005 vượt so với năm 2004</b>	USD			
<b>4. Số tiền đề nghị thưởng (...đ/USD)</b>	Đồng			
<b>II. Mặt hàng:...</b> <i>Kê khai như mặt hàng 1</i>				
<b>III. Mặt hàng:...</b> <i>Kê khai như mặt hàng 1</i>				
<b>Tổng cộng số tiền đề nghị thưởng (bằng chữ ...)</b>	Đồng			

Thuyết minh cụ thể số liệu chênh lệch (nếu có) ...

Căn cứ số liệu thẩm định nêu trên, Sở Thương mại tỉnh, thành phố... đề nghị Bộ Thương mại xem xét để quyết định thưởng vượt kim ngạch năm 2005 so với năm 2004 của mặt hàng:... cho doanh nghiệp... với Số tiền thưởng là:... đồng (bằng chữ...) vào Tài khoản số.... tại Ngân hàng..., Địa chỉ..., Mã số thuế của Doanh nghiệp....

**Giám đốc Sở Thương mại ...**  
(Ký tên và đóng dấu)

## BẢNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2004

(Kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số:... ngày.../.../2006 của Sở Thương mại)

Doanh nghiệp: (chữ in hoa)

## I. Mặt hàng:

Số TT	HDXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

## II. Mặt hàng:

Số TT	HDXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

## III. Mặt hàng:

**Ghi chú :**

- kê khai theo từng tên khách hàng;
- Ứng với mỗi Tờ khai hải quan và Hóa đơn thì Giấy báo có phải có giá trị tương ứng. Trường hợp 01 Giấy báo có thanh toán cho nhiều Hóa đơn hoặc 01 Hóa đơn được thanh toán bằng nhiều Giấy báo có thì phải có Bản đối chiếu công nợ giữa bên mua và bên bán;
- Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được quy đổi ra đô la Mỹ (USD) tại thời điểm thanh toán;

Riêng lượng hàng XK cuối tháng 12/2004, ngày trên tờ khai HQ là ngày đã hoàn thành thủ tục hải quan

**Cán bộ thẩm định**

(ký và ghi rõ họ, tên)

**BẢNG KÊ KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2005**

(Kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số: ... ngày .../.../2006 của Sở Thương mại)

Doanh nghiệp: (chữ in hoa)

**I. Mặt hàng:**

Số TT	HĐXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền

**II. Mặt hàng:**

Số TT	HĐXK		Mã số HS (8 số)	Tờ khai Hải quan				Hóa đơn xuất khẩu				KN (FOB)	Giấy báo có	
	Số	Ngày		Số	Ngày	Lượng	Tiền	Số	Ngày	Lượng	Tiền		Ngày	Số tiền



### III. Mặt hàng:

#### Ghi chú :

- Khai theo từng tên khách hàng;
- Ứng với mỗi Tờ khai hải quan và Hóa đơn thì Giấy báo có phải có giá trị tương ứng. Trường hợp 01 Giấy báo có thanh toán cho nhiều Hóa đơn hoặc 01 Hóa đơn được thanh toán bằng nhiều Giấy báo có thì phải có Bản đối chiếu công nợ giữa bên mua và bên bán;
- Đối với kim ngạch xuất khẩu thu được bằng các loại tiền khác được quy đổi ra đô la Mỹ (USD) tại thời điểm thanh toán;

Riêng lượng hàng XK cuối tháng 12/2004, ngày trên tờ khai HQ là ngày đã hoàn thành thủ tục hải quan

**Cán bộ thẩm định**

(ký và ghi rõ họ, tên)

**Biểu mẫu số 03**

**Một số yêu cầu đối với công văn nêu thành tích  
và đề nghị xét thưởng của doanh nghiệp**

**1. Thông tin về doanh nghiệp**

+ Doanh nghiệp: (chữ in hoa)

+ Địa chỉ trụ sở chính:

+ Số điện thoại của doanh nghiệp:

Số Fax:

+ Họ và tên giám đốc....., Số điện thoại:

+ Họ và tên cán bộ được phân công chịu trách nhiệm về hồ sơ xét thưởng.....  
số điện thoại ....

+ Mã số thuế:

+ Địa chỉ chuyển tiền thưởng: số tài khoản; tên ngân hàng; địa chỉ ngân hàng

**2. Thành tích xuất khẩu của doanh nghiệp**

- Mặt hàng, nhóm mặt hàng (1)

+ Năm 2004:

Mặt hàng: ..... lượng, ..... tiền

+ Năm 2005:

Mặt hàng: ..... lượng, ..... tiền

- Mặt hàng, nhóm mặt hàng (2)

+ Năm 2004:

Mặt hàng: ..... lượng, ..... tiền

+ Năm 2005:

Mặt hàng: ..... lượng, ..... tiền

**3. Cam kết**

Sau khi nghiên cứu Quy chế thưởng xuất khẩu đối với phần kim ngạch xuất khẩu năm 2005 vượt so với năm 2004 ban hành kèm theo Quyết định số

06/2006/QĐ-BTM ngày 25/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Doanh nghiệp..... nhận thấy có đủ điều kiện để được xét thưởng:

Với số kim ngạch xuất khẩu vượt: ..... USD

tương đương với số tiền thưởng: ..... đồng

**Doanh nghiệp xin cam kết:**

(1) Kê khai và nộp hồ sơ đúng, đầy đủ về kim ngạch xuất khẩu của các năm 2004, 2005; thông tin của doanh nghiệp.

(2) Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét thưởng và các thông tin khác của doanh nghiệp liên quan đến việc thưởng vượt kim ngạch xuất khẩu.

**Giám đốc doanh nghiệp**  
(Ký tên, đóng dấu)